

Số: 272 / D.V.ĐN

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2025  
Danang, October 09<sup>th</sup>, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**DISCLOSURE OF INFORMATION**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Hanoi Stock Exchange

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng  
Organization name: *Danang Airport Services Joint Stock Company*
  - Mã chứng khoán: MAS  
Ticker: *MAS*
  - Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng.  
Address: *Danang International Airport, Hoa Cuong Ward, Danang City.*
  - Điện thoại/Telephone: 0236 3830340,  
Fax: 0236 3826133, Email: [masco@masco.com.vn](mailto:masco@masco.com.vn),
  - Website: [masco.com.vn](http://masco.com.vn)
  - Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Minh Huyền  
Spokersman: *Nguyen Thi Minh Huyen*
- Chức vụ: Kế toán trưởng  
Position: *Cheft Accountant*
- Di động/Mobie: 0963137909. Email: [minhhuyen@masco.com.vn](mailto:minhhuyen@masco.com.vn)
- Loại thông tin công bố:

☐ 24h, ☐ Yêu cầu, ☒ Bất thường, ☐ Định kỳ

Information disclosure type

☐ 24h, ☐ On demand ☒ Irregular, ☐ Periodic

- Nội dung thông tin công bố/ Content of information disclosure**

Công ty cổ phần dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng công bố thông tin tin như sau/ *Danang Airport Services Joint stock Company announces the following:*

- Công văn số 272 ngày 09/10/2025 về việc đính chính Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính bán niên 2025/ *Official dispatch No.272, 09/10/2025 on correcting the Audit Report of the 2025 Semi-annual Financial Statements*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 25/07/2025 tại đường dẫn: [masco.com.vn](http://masco.com.vn)

**NGUYỄN THỊ  
MINH HUYỀN**

Digitally signed by NGUYỄN THỊ MINH HUYỀN  
DN: C=VN, S=ĐÀ NẴNG, L=HẢI CHÂU, O=CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG, OU=CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG, T=KẾ TOÁN TRƯỞNG,  
CN=NGUYỄN THỊ MINH HUYỀN,  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=CMND:201090361  
Reason: I am the author of this document  
Location:  
Date: 2025-10-09 17:05:01  
Foxit Reader Version: 9.4.1

*This information was posted on MASCO website on October 09<sup>th</sup>, 2025 at this link [masco.com.vn](http://masco.com.vn)*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

*We hereby declare to be responsible for the accuracy and completeness of the above information.*

***Tài liệu đính kèm:***

***Attached documents***

- BC soát xét BCTC bán niên 2025 (bản tiếng Việt)
- *Audit Report of the 2025 Semi-annual Financial Statements*

**Người được ủy quyền công bố thông tin**  
***Party authorized to disclose information***



Nguyễn Thị Minh Huyền

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HK  
SÂN BAY ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 272 /DV-ĐN

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2025

## CÔNG VĂN ĐỊNH CHÍNH

( Công bố thông tin ngày 25/08/2025)

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/*Hanoi Stock Exchange*

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng  
*Organization name: Danang Airport Services Joint Stock Company*
- Mã chứng khoán: MAS  
*Ticker: MAS*
- Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng.  
*Address: Danang International Airport, Hoa Cuong Ward, Danang City.*
- Điện thoại/*Telephone*: 0236 3830340,  
Fax: 0236 3826133, Email: [masco@masco.com.vn](mailto:masco@masco.com.vn),
- Website: [masco.com.vn](http://masco.com.vn)
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Minh Huyền  
*Spokersman: Nguyen Thi Minh Huyen*

Chức vụ: Kế toán trưởng

*Position: Cheft Accountant*

Di động/*Mobie*: 0963137909. Email: [minhhuyen@masco.com.vn](mailto:minhhuyen@masco.com.vn)

### Nội dung đã công bố/ *Content of Information of Disclosure:*

- Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 và Giải trình Lợi nhuận tăng trên 10% so với cùng kỳ năm 2024.

- *Audited report of the 2025 Semi-annual Financial Statements and Explanation of Profit increase of over 10% compared to the same period in 2024.*

### Nội dung đính chính (*Correction*):

- Do thiết bị scan bị lỗi nên bản scan Báo cáo soát xét Báo cáo Tài chính bán niên 2025 bản tiếng Việt bị thiếu các trang 10-14 và các trang 26-32, bản tiếng Anh bị thiếu các trang 10-13 và trang 30. Công ty xin cập nhật lại bản scan có đầy đủ các trang của Báo cáo soát xét BCTC bán niên 2025 tiếng Việt và tiếng Anh.



- Due to a faulty scanning device, the Vietnamese version of the 2025 Semi-annual Financial Statements Audited Report is missing pages 10-14 and pages 26-32, the English version is missing pages 10-13 and page 30. The Company would like to update the scanned version with all pages of the 2025 Semi-annual Financial Statements Audited Report in Vietnamese and English.

**Người được ủy quyền công bố thông tin**  
**Party authorized to disclose information**



**Nguyễn Thị Minh Huyền**



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG  
SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**NGUYỄN  
THỊ MINH  
HUYỀN**

Digitally signed by NGUYỄN THỊ MINH HUYỀN  
DN: C=VN, S=ĐÀ NẴNG, L=HẢI CHÂU, O=CÔNG  
TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY  
ĐÀ NẴNG, OU=CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG, T=KẾ TOÁN  
TRƯỞNG, CN=NGUYỄN THỊ MINH HUYỀN,  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=CMND:201090361  
Reason: I am the author of this document  
Location:  
Date: 2025-10-09 17:10:08  
Foxit Reader Version: 9.4.1

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

---

### **MỤC LỤC**

#### **Trang**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1 – 2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

3 – 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

5 – 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ

8

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

9 – 41

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đào Mạnh Kiên	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Đông	Thành viên
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên
Ông Trần Thanh Nghĩa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên

#### Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đinh Hồng Sơn	Trưởng ban
Ông Nguyễn Dũng	Thành viên
Ông Lê Giang Nam	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Minh Huyền	Kế toán trưởng

#### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Trần Thanh Nghĩa, Tổng Giám đốc.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: [www.ecovis.com/vietnam/audit](http://www.ecovis.com/vietnam/audit)).

### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Thanh Nghĩa

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 08 năm 2025

Số: 348/2025/BCSX-E.AFA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: **Các cổ đông**  
**Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 08 năm 2025 từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2024 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần tại báo cáo soát xét số 28/2024/SX-RSMHCM ngày 26/08/2024 và báo cáo kiểm toán số 98/2025/KT-RSMHCM ngày 12/03/2025.



**Trần Thị Như Phương**

**Giám đốc kiểm toán**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2293-2023-240-1

Người được ủy quyền

**Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM**  
Đà Nẵng, ngày 22 tháng 08 năm 2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**Mẫu số B 01a - DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>TM</b>	<b>Tại ngày 30/06/2025</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>55.796.162.901</b>	<b>33.843.300.606</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>16.994.123.850</b>	<b>16.757.696.773</b>
1. Tiền	111		12.994.123.850	16.757.696.773
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>6.000.000.000</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	6.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>24.709.229.217</b>	<b>9.049.348.509</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	25.514.281.280	10.680.666.443
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	403.545.856	3.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	1.346.631.844	920.911.829
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(2.555.229.763)	(2.555.229.763)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.7</b>	<b>5.165.767.442</b>	<b>4.970.977.219</b>
1. Hàng tồn kho	141		5.165.767.442	4.970.977.219
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.927.042.392</b>	<b>3.065.278.105</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	2.927.042.392	2.763.274.888
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	241.411.738
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	-	60.591.479
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>34.190.448.336</b>	<b>38.057.222.124</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>33.820.000</b>	<b>112.820.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	33.820.000	112.820.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>31.669.135.493</b>	<b>34.718.371.066</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	31.138.936.157	34.169.505.064
Nguyên giá	222		157.523.339.062	157.428.839.062
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(126.384.402.905)	(123.259.333.998)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	530.199.336	548.866.002
Nguyên giá	228		953.083.100	953.083.100
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(422.883.764)	(404.217.098)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>185.457.407</b>	<b>20.000.000</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	185.457.407	20.000.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.302.035.436</b>	<b>3.206.031.058</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	2.302.035.436	3.206.031.058
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>89.986.611.237</b>	<b>71.900.522.730</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>51.290.847.775</b>	<b>37.494.249.270</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>45.707.864.611</b>	<b>31.606.713.135</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	12.285.862.636	9.576.840.375
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	2.460.297.000	7.928.344.741
3. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	2.477.702.654	538.506.906
4. Phải trả người lao động	314	4.15	7.983.595.108	3.603.812.026
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.16	2.391.169.743	53.352.351
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.17	3.308.262.917	4.935.541.745
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.18	13.647.974.553	3.702.381.514
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.19	1.153.000.000	1.038.760.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	229.173.477
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.582.983.164</b>	<b>5.887.536.135</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.18	3.640.000.000	3.640.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.19	1.942.983.164	2.247.536.135
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>38.695.763.462</b>	<b>34.406.273.460</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.20</b>	<b>38.695.763.462</b>	<b>34.406.273.460</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.676.830.000	42.676.830.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.676.830.000	42.676.830.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		803.208.113	803.208.113
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.784.274.651)	(9.073.764.653)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(9.073.764.653)	(12.930.644.539)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.289.490.002	3.856.879.886
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>89.986.611.237</b>	<b>71.900.522.730</b>

**Trần Thanh Nghĩa**  
**Tổng Giám đốc**

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 08 năm 2025

**Nguyễn Thị Minh Huyền**  
**Kế toán trưởng****Phạm Thị Thương**  
**Người lập**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**Mẫu số B 02a - DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	103.371.242.374	94.486.425.491
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	1.521.313.475	1.858.065.355
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		101.849.928.899	92.628.360.136
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	83.127.392.384	74.286.672.012
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.722.536.515	18.341.688.124
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	192.919.548	215.101.333
7. Chi phí tài chính	22	5.5	314.183.275	732.811.875
Trong đó, chi phí lãi vay	23		126.683.275	357.811.875
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	3.781.886.662	4.084.456.457
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	9.229.536.910	8.094.606.028
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.589.849.216	5.644.915.097
11. Thu nhập khác	31	5.8	58.163.682	732.632.411
12. Chi phí khác	32	5.9	309.320.060	672.461.121
13. Lợi nhuận khác	40		(251.156.378)	60.171.290
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.338.692.838	5.705.086.387
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.11	243.089.679	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.095.603.159	5.705.086.387
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.20.5	1.005	808
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.20.6	1.005	808

**Trần Thanh Nghĩa****Tổng Giám đốc**

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 08 năm 2025

**Nguyễn Thị Minh Huyền****Kế toán trưởng****Phạm Thị Thương****Người lập**



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**Mẫu số B 03a - DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.338.692.838	5.705.086.387
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.143.735.573	3.683.399.535
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(80.094.300)	(98.599.990)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(112.825.248)	(229.539.934)
Chi phí lãi vay	06		126.683.275	357.811.875
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		8.416.192.138	9.418.157.873
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(15.178.336.725)	(159.599.977)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(194.790.223)	69.343.021
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		13.192.125.461	5.124.903.667
Tăng giảm chi phí trả trước	12		740.228.118	(417.517.863)
Tiền lãi vay đã trả	14		(128.821.675)	(365.744.446)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(229.173.477)	(161.567.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.617.423.617	13.507.975.275
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(259.957.407)	(610.114.545)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	181.818.181
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(6.000.000.000)	(6.500.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.562.235	5.499.835
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.254.395.172)	(6.922.796.529)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	420.497.029	22.447.003.807
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(610.810.000)	(22.268.568.993)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(190.312.971)	178.434.814
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	50		172.715.474	6.763.613.560
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		16.757.696.773	7.445.756.042
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		63.711.603	6.402.211
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	70		16.994.123.850	14.215.771.813



Trần Thanh Nghĩa  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 08 năm 2025

Nguyễn Thị Minh Huyền  
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thương  
Người lập



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng (một doanh nghiệp Nhà nước). Ngày 23 tháng 09 năm 2005, Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3547/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 09 năm 2005 của Bộ Giao Thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000950 ngày 05 tháng 04 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần thứ 15 vào ngày 09 tháng 07 năm 2024 với mã số doanh nghiệp là 0400102045.

Ngày 09 tháng 09 năm 2009, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên thị trường UpCom. Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Quyết định số 350/QĐ-SGDHN ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán MAS. Ngày bắt đầu giao dịch chính thức là ngày 15 tháng 07 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 42.676.830.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 435 (Tại ngày 31/12/2024: 442).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

- Chế biến suất ăn, kinh doanh thương mại và dịch vụ;
- Đào tạo lái xe ô tô và mô tô.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết: Khai thác kỹ thuật thương mại hàng không;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn. Chi tiết: Chế biến và cung ứng suất ăn trên máy bay, suất ăn công nghiệp, thực phẩm đóng gói và ăn liền, bánh kẹo các loại, nước tinh khiết đóng chai;
- Giáo dục khác chưa được phân đầu vào đầu. Chi tiết: Đào tạo nghề lái xe ô tô, mô tô;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thức ăn và đồ uống;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận tải hàng hóa bằng đường hàng không, đường thủy, đường sắt;
- Quảng cáo. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Các dịch vụ bán lẻ phi thực phẩm. Thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng miễn thuế, hàng mỹ nghệ, bách hóa tổng hợp, văn phòng phẩm.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

<b>Tên</b>	<b>Ngành nghề hoạt động chính</b>	<b>Địa chỉ</b>
Xí nghiệp Sản xuất và Cung ứng Suất ăn	Chế biến và cung ứng suất ăn	Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Cường, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Phú Bài CTCP Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	Chế biến và cung ứng suất ăn; Kinh doanh thương mại và dịch vụ	Tổ 10, phường Phú Bài, thành phố Huế
Chi nhánh Nha Trang – CTCP Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	Chế biến và cung ứng suất ăn	Sân bay Cam Ranh, phường Bắc Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa
Xí nghiệp Thương mại và Dịch vụ Ăn uống	Kinh doanh thương mại và dịch vụ	Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Cường, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh CTCP Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp Đào tạo lái xe Ô tô – Mô tô Masco (dưới đây gọi tắt là "Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng")	Đào tạo, lái xe ô tô và mô tô	113 Núi Thành, phường Hoà Cường, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh CTCP Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng - Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp Đào tạo lái xe Ô tô – Mô tô Masco Thừa Thiên Huế (dưới đây gọi tắt là "Trung tâm đào tạo lái xe Huế")	Đào tạo, lái xe ô tô và mô tô	73 Phan Đình Phùng, phường Thuận Hóa, thành phố Huế

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

**3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**3.3. Đầu tư tài chính**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

**3.4. Nợ phải thu**

***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.5. Hàng tồn kho**

***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

**3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<b>Năm 2025</b>
• Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 25 năm
• Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
• Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 10 năm
• Tài sản cố định khác	04 – 10 năm

**3.7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

**3.8. Thuê tài sản**

***Thuê hoạt động***

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

**3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.10. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

***Nguyên tắc ghi nhận vốn góp***

Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng và Trung tâm đào tạo lái xe Huế hoạt động theo hình thức đầu tư góp vốn giữa Công ty với các cá nhân để cùng thực hiện hoạt động đào tạo nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Công ty là bên nhận góp vốn đã ghi nhận số tiền góp vốn từ các cá nhân là khoản nợ phải trả khác.

***Nguyên tắc hạch toán và phân chia lợi nhuận***

Công ty chịu trách nhiệm quản lý, điều hành, chi phối và là bên duy nhất trực tiếp ghi nhận kế toán



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

toàn bộ doanh thu, chi phí phát sinh từ các hoạt động của hai trung tâm. Theo thỏa thuận, các đối tác còn lại chỉ được phân chia lợi nhuận sau khi kết thúc niên độ kế toán năm.

**3.11. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến tiền thuê đất trả trước và công cụ dụng cụ. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.12. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.13. Chi phí đi vay**

***Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.14. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**3.15. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về dịch vụ đào tạo và các dịch vụ khác đang cung cấp trong kỳ.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**3.16. Nguồn vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.17. Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**3.18. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

**3.19. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**3.20. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và lãi chậm thanh toán.

**3.21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

**3.22. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế. Mức thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành được xác định như sau:

- Đối với hoạt động đào tạo tại hai Trung tâm đào tạo lái xe: mức thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động theo điểm a Khoản 3 Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài chính áp dụng cho đơn vị xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề;
- Các hoạt động còn lại của Công ty áp dụng mức thuế suất 20%.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Đào tạo dạy nghề lái xe: Không chịu thuế GTGT;
- Kinh doanh thương mại: 5% - 10%;
- Dịch vụ hàng không: 10%.

Công ty được áp dụng mức thuế suất 8% từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 theo quy định tại Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ.

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****3.23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.24. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.25. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Xem thêm mục 7.

**3.26. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các Giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền mặt tại quỹ		810.983.290		784.612.612
+ VND		772.175.292		746.836.598
+ USD	1.497,80 #	38.807.998	1.497,80 #	37.776.014
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		12.183.140.560		15.973.084.161
+ VND		12.035.143.522		15.870.204.264
+ USD	5.705,36 #	147.997.038	4.074,29 #	102.879.897
Tiền gửi có kỳ hạn 1 - 3 tháng		4.000.000.000		-
<b>Cộng</b>		<b>16.994.123.850</b>		<b>16.757.696.773</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	8.735.364.239	167.454.000
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	5.190.476.226	2.093.391.982
JSC Air Astana	2.892.772.770	-
Công ty Cổ phần Hàng không Đông Dương	1.481.124.999	1.481.124.999
Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt	1.008.277.128	1.402.356.274
Các đối tượng khác	6.206.265.918	5.536.339.188
<b>Cộng</b>	<b>25.514.281.280</b>	<b>10.680.666.443</b>
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	9.347.508.503	1.115.549.864

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần SQ Nha Trang	221.837.414	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Cơ điện lạnh Phúc Gia Khang	85.275.000	-
Các đối tượng khác	96.433.442	3.000.000
<b>Cộng</b>	<b>403.545.856</b>	<b>3.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**4.5. Phải thu khác**

	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Tạm ứng	961.107.791	-	172.886.885	-
Lãi dự thu	107.263.013	-	-	-
Ký quỹ, ký cược	163.000.000	-	84.000.000	-
Phải thu khác	115.261.040	-	664.024.944	-
<b>Cộng</b>	<b>1.346.631.844</b>	<b>-</b>	<b>920.911.829</b>	<b>-</b>
Dài hạn:				
Ký quỹ, ký cược	33.820.000	-	112.820.000	-
<b>Cộng</b>	<b>33.820.000</b>	<b>-</b>	<b>112.820.000</b>	<b>-</b>

**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi	2.555.229.763	-	2.555.229.763	-
<b>Cộng</b>	<b>2.555.229.763</b>	<b>-</b>	<b>2.555.229.763</b>	<b>-</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp. Vì các khoản nợ xấu này tồn đọng lâu, khó thu hồi.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Hàng không Đông Dương	1.481.124.999	-	Trên 3 năm	1.481.124.999	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	498.741.264	-	Trên 3 năm	498.741.264	-	Trên 3 năm
Các học viên bộ đội tại Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng	575.363.500	-	Trên 3 năm	575.363.500	-	Trên 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>2.555.229.763</b>	<b>-</b>		<b>2.555.229.763</b>	<b>-</b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.285.214.569	-	2.577.553.121	-
Công cụ, dụng cụ	32.650.030	-	26.792.216	-
Hàng hóa	1.847.902.843	-	2.366.631.882	-
<b>Cộng</b>	<b>5.165.767.442</b>	<b>-</b>	<b>4.970.977.219</b>	<b>-</b>

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ.

**4.8. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí thuê mặt bằng, thuê đất, thuê tài sản	1.268.823.803	2.186.651.513
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	261.114.021	231.376.613
Chi phí khác	1.397.104.568	345.246.762
<b>Cộng</b>	<b>2.927.042.392</b>	<b>2.763.274.888</b>
Dài hạn:		
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	732.367.010	1.041.982.711
Chi phí đào tạo chứng chỉ nghề lĩnh vực suất ăn	317.029.072	465.531.012
Chi phí khác	1.252.639.354	1.698.517.335
<b>Cộng</b>	<b>2.302.035.436</b>	<b>3.206.031.058</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2025	55.616.101.576	34.273.385.422	66.260.080.737	1.279.271.327	157.428.839.062
Mua trong kỳ	-	94.500.000	-	-	94.500.000
<b>Tại ngày 30/06/2025</b>	<b>55.616.101.576</b>	<b>34.367.885.422</b>	<b>66.260.080.737</b>	<b>1.279.271.327</b>	<b>157.523.339.062</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2025	34.288.274.423	29.835.284.321	57.864.177.277	1.271.597.977	123.259.333.998
Khấu hao trong kỳ	1.163.484.673	680.688.402	1.277.383.246	3.512.586	3.125.068.907
<b>Tại ngày 30/06/2025</b>	<b>35.451.759.096</b>	<b>30.515.972.723</b>	<b>59.141.560.523</b>	<b>1.275.110.563</b>	<b>126.384.402.905</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2025	21.327.827.153	4.438.101.101	8.395.903.460	7.673.350	34.169.505.064
<b>Tại ngày 30/06/2025</b>	<b>20.164.342.480</b>	<b>3.851.912.699</b>	<b>7.118.520.214</b>	<b>4.160.764</b>	<b>31.138.936.157</b>

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2025 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 5.619.569.454 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 72.395.758.837 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phân mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2025	473.227.100	479.856.000	953.083.100
Tăng trong kỳ	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2025</b>	<b>473.227.100</b>	<b>479.856.000</b>	<b>953.083.100</b>
Khấu hao:			
Tại ngày 01/01/2025	-	404.217.098	404.217.098
Khấu hao trong kỳ	-	18.666.666	18.666.666
<b>Tại ngày 30/06/2025</b>	<b>-</b>	<b>422.883.764</b>	<b>422.883.764</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2025	473.227.100	75.638.902	548.866.002
<b>Tại ngày 30/06/2025</b>	<b>473.227.100</b>	<b>56.972.236</b>	<b>530.199.336</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình đã được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay là 473.227.100 VND.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 332.856.000 VND.

(\*) Là quyền sử dụng đất lâu dài tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng được sử dụng để xây dựng văn phòng Công ty và nhà máy chế biến suất ăn hàng không tại Đà Nẵng. Quyền sử dụng đất này đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay.

**4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Đầu tư mua sắm tài sản cố định	135.000.000	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	50.457.407	20.000.000
<b>Cộng</b>	<b>185.457.407</b>	<b>20.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Cuộc Sống Việt - Chi nhánh Đà Nẵng	1.155.869.136	1.155.869.136	415.752.804	415.752.804
Hộ kinh doanh Lê Ngọc Thịnh	733.103.194	733.103.194	757.011.335	757.011.335
Ông Lê Tiến Minh	499.910.213	499.910.213	669.030.213	669.030.213
Các đối tượng khác	9.896.980.093	9.896.980.093	7.735.046.023	7.735.046.023
<b>Cộng</b>	<b>12.285.862.636</b>	<b>12.285.862.636</b>	<b>9.576.840.375</b>	<b>9.576.840.375</b>
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	22.490.366	22.490.366	60.497.213	60.497.213

**4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền ứng trước của học viên tại Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng	2.303.760.000	1.225.000.000
Tiền ứng trước của học viên tại Trung tâm đào tạo lái xe Huế	156.354.000	86.144.000
Các đối tượng khác	183.000	6.617.200.741
<b>Cộng</b>	<b>2.460.297.000</b>	<b>7.928.344.741</b>
Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	-	6.617.200.741

**4.14. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	1.976.362.882	3.420.098.106	1.804.204.669	-	360.469.445
Thuế thu nhập doanh nghiệp	207.844.735	243.089.679	-	35.244.944	-
Thuế thu nhập cá nhân	166.974.528	472.391.799	483.454.732	-	178.037.461
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	126.520.509	241.055.810	89.188.766	25.346.535	-
Các khoản thuế khác	-	12.000.000	12.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.477.702.654</b>	<b>4.388.635.394</b>	<b>2.388.848.167</b>	<b>60.591.479</b>	<b>538.506.906</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.15. Phải trả người lao động**

	<b>Tại ngày 30/06/2025 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025 VND</b>
Tiền lương phải trả CBNV	7.983.595.108	3.603.812.026
<b>Cộng</b>	<b>7.983.595.108</b>	<b>3.603.812.026</b>

**4.16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>Tại ngày 30/06/2025 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025 VND</b>
Lãi dự trả	8.713.951	10.852.351
Trích trước chi phí đồng phục cán bộ công nhân viên	1.277.500.000	-
Chi phí khác	1.104.955.792	42.500.000
<b>Cộng</b>	<b>2.391.169.743</b>	<b>53.352.351</b>

**4.17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<b>Tại ngày 30/06/2025 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025 VND</b>
Nhận trước tiền đào tạo lái xe ô tô, mô tô tại Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng	1.719.031.800	2.099.040.513
Nhận trước tiền đào tạo lái xe ô tô, mô tô tại Trung tâm đào tạo lái xe Huế	1.589.231.117	2.836.501.232
<b>Cộng</b>	<b>3.308.262.917</b>	<b>4.935.541.745</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.18. Phải trả khác**

	<b>Tại ngày 30/06/2025 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025 VND</b>
<b>Ngắn hạn:</b>		
Lợi nhuận hợp tác đầu tư phải trả	1.830.956.386	1.732.168.492
Kinh phí công đoàn	254.525.725	216.177.032
Nhận ký quỹ, ký cược (*)	10.794.500.000	655.510.000
Phí hoa hồng phải trả khi giới thiệu học viên	164.874.457	306.134.207
Phải trả tiền cọc cho tài xế xe taxi	208.317.582	219.845.533
Phải trả khác	394.800.403	572.546.250
<b>Cộng</b>	<b>13.647.974.553</b>	<b>3.702.381.514</b>
Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	10.225.680.290	266.457.892
<b>Dài hạn:</b>		
Vốn góp hợp tác kinh doanh tại Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng	1.640.000.000	1.640.000.000
Vốn góp hợp tác kinh doanh tại Trung tâm đào tạo lái xe Huế	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.640.000.000</b>	<b>3.640.000.000</b>
Trong đó: Phải trả dài hạn khác là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	580.000.000	580.000.000

(\*) Nhận ký quỹ, ký cược từ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP theo hợp đồng mua bán suất ăn số 01 – 2006/SA-MASCO ngày 04/05/2006 và phụ lục 10 – Bản số 1/2025 ngày 01/01/2025 với số tiền 10.000.000.000 VND, thời gian ký quỹ từ ngày 01/01/2025 đến 31/12/2025.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**4.19. Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nợ dài hạn đến hạn trả:						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	730.000.000	730.000.000	488.250.000	394.250.000	636.000.000	636.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	423.000.000	423.000.000	236.800.000	216.560.000	402.760.000	402.760.000
<b>Cộng</b>	<b>1.153.000.000</b>	<b>1.153.000.000</b>	<b>725.050.000</b>	<b>610.810.000</b>	<b>1.038.760.000</b>	<b>1.038.760.000</b>
Dài hạn:						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	568.233.164	568.233.164	420.497.029	488.250.000	635.986.135	635.986.135
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	1.374.750.000	1.374.750.000	-	236.800.000	1.611.550.000	1.611.550.000
<b>Cộng</b>	<b>1.942.983.164</b>	<b>1.942.983.164</b>	<b>420.497.029</b>	<b>725.050.000</b>	<b>2.247.536.135</b>	<b>2.247.536.135</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

<u>Số hợp đồng</u>	<u>Ngày HĐ</u>	<u>Mục đích</u>	<u>Hạn mức (VND)</u>	<u>Thời hạn cho vay</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Tài sản đảm bảo</u>
<b>I. Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng</b>						
259/2024/CVTDH/VCB-KHDN	12/12/2024	Đầu tư tài sản cố định phục vụ hoạt động kinh doanh	2.695.000.000 VND	60 tháng	7,2%/năm	Phương tiện vận tải của Công ty
<b>II. Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng</b>						
01/2023-HĐCVDADT/NHCT480-MASCO	27/10/2023	Đầu tư tài sản cố định phục vụ hoạt động kinh doanh	1.976.000.000 VND	36 tháng	9%/năm	Phương tiện vận tải của Công ty và Quyền sử dụng đất lâu dài tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng
01/2024-HĐCVDADT/NHCT480-MASCO	20/01/2025	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư tài sản cố định	280.000.000 VND	36 tháng	6%/năm	Hợp đồng bảo đảm được xác lập trước và/hoặc cùng và/hoặc sau thời điểm ký Hợp đồng tín dụng.
01/2025-HĐCVDADT/NHCT480-MASCO	14/02/2025	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư tài sản cố định	351.000.000 VND	36 tháng	6%/năm	Hợp đồng bảo đảm được xác lập trước và/hoặc cùng và/hoặc sau thời điểm ký Hợp đồng tín dụng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**4.20. Vốn chủ sở hữu**

**4.20.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2024	42.676.830.000	803.208.113	(12.930.644.539)	30.549.393.574
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	5.705.086.387	5.705.086.387
Chia lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	-	(1.089.548.423)	(1.089.548.423)
Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng	-	-	(1.165.341.774)	(1.165.341.774)
Chia lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	-		
Trung tâm đào tạo lái xe Huế	-	-		
Tại ngày 30/06/2024	42.676.830.000	803.208.113	(9.480.448.349)	33.999.589.764
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	1.600.471.072	1.600.471.072
Chia lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	-	(494.012.555)	(494.012.555)
Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng	-	-	(507.712.420)	(507.712.420)
Chia lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	-		
Trung tâm đào tạo lái xe Huế	-	-		
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận	-	-	(192.062.401)	(192.062.401)
hợp tác đầu tư	-	-		
Tại ngày 01/01/2025	42.676.830.000	803.208.113	(9.073.764.653)	34.406.273.460
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	5.095.603.159	5.095.603.159
Chia lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	-	(710.269.559)	(710.269.559)
Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng	-	-	(95.843.598)	(95.843.598)
Chia lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	-		
Trung tâm đào tạo lái xe Huế	-	-		
<b>Tại ngày 30/06/2025</b>	<b>42.676.830.000</b>	<b>803.208.113</b>	<b>(4.784.274.651)</b>	<b>38.695.763.462</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.20.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	15.412.650.000	15.412.650.000
Ông Nguyễn Thanh Đông	3.707.500.000	3.707.500.000
Các cổ đông khác	23.556.680.000	23.556.680.000
<b>Cộng</b>	<b>42.676.830.000</b>	<b>42.676.830.000</b>

**4.20.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp đầu năm	42.676.830.000	42.676.830.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
<b>Vốn góp cuối kỳ</b>	<b>42.676.830.000</b>	<b>42.676.830.000</b>

**4.20.4. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.267.683	4.267.683
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	4.267.683	4.267.683
- Cổ phiếu phổ thông	4.267.683	4.267.683
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	4.267.683	4.267.683
- Cổ phiếu phổ thông	4.267.683	4.267.683
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.20.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	5.095.603.159	5.705.086.387
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Điều chỉnh giảm lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	(806.113.157)	(2.254.890.197)
Lãi để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.289.490.002	3.450.196.190
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	4.267.683	4.267.683
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.005</b>	<b>808</b>

**4.20.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	5.095.603.159	5.705.086.387
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Điều chỉnh giảm lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	(806.113.157)	(2.254.890.197)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.289.490.002	3.450.196.190
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.267.683	4.267.683
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.267.683	4.267.683
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.005</b>	<b>808</b>

**4.20.7. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
Ngoại tệ các loại + USD	7.203,16	7.902,96

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Doanh thu bán hàng	12.875.157.256	7.737.949.088
Doanh thu cung cấp dịch vụ đào tạo	18.938.508.828	19.205.678.368
Doanh thu cung cấp dịch vụ suất ăn và các dịch vụ khác	71.557.576.290	67.542.798.035
<b>Cộng</b>	<b>103.371.242.374</b>	<b>94.486.425.491</b>
Trong đó, doanh thu với các bên liên quan - Xem thêm mục 8	39.185.535.256	42.299.611.924

**5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Chiết khấu thương mại	680.909.475	748.998.719
Hàng bán bị trả lại	840.404.000	1.109.066.636
<b>Cộng</b>	<b>1.521.313.475</b>	<b>1.858.065.355</b>

**5.3. Giá vốn hàng bán**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	9.513.297.281	4.309.630.105
Giá vốn của dịch vụ đào tạo đã cung cấp	12.416.107.281	12.480.872.748
Giá vốn của dịch vụ suất ăn và các dịch vụ khác đã cung cấp	61.197.987.822	57.496.169.159
<b>Cộng</b>	<b>83.127.392.384</b>	<b>74.286.672.012</b>

**5.4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Lãi tiền gửi	112.825.248	47.721.753
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	-	68.779.590
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	80.094.300	98.599.990
<b>Cộng</b>	<b>192.919.548</b>	<b>215.101.333</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****5.5. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	126.683.275	357.811.875
Chi phí chiết khấu thanh toán	187.500.000	375.000.000
<b>Cộng</b>	<b>314.183.275</b>	<b>732.811.875</b>

**5.6. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	1.894.341.744	2.242.394.600
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	108.207.362	117.456.878
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.333.336	5.690.478
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.561.891.368	1.553.217.777
Chi phí bằng tiền khác	214.112.852	165.696.724
<b>Cộng</b>	<b>3.781.886.662</b>	<b>4.084.456.457</b>

**5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.763.408.922	5.601.060.334
Chi phí đồ dùng văn phòng	96.590.190	123.470.925
Chi phí khấu hao TSCĐ	62.348.496	14.583.941
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.242.670.720	570.116.744
Chi phí bằng tiền khác	1.064.518.582	1.785.374.084
<b>Cộng</b>	<b>9.229.536.910</b>	<b>8.094.606.028</b>

**5.8. Thu nhập khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	181.818.181
Thu nhập từ cho thuê cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị kiểm tra chấm điểm của sát hạch mô tô	-	281.308.926
Thu nhập khác	58.163.682	269.505.304
<b>Cộng</b>	<b>58.163.682</b>	<b>732.632.411</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****5.9. Chi phí khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Phạt chậm nộp	15.405.528	-
Chi phí khác	293.914.532	672.461.121
<b>Cộng</b>	<b>309.320.060</b>	<b>672.461.121</b>

**5.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.044.799.307	27.843.738.738
Chi phí nhân công	35.034.593.688	31.279.906.887
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.138.043.907	3.683.399.535
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.743.928.251	14.406.506.128
Chi phí bằng tiền khác	4.664.153.522	9.252.183.209
<b>Cộng</b>	<b>86.625.518.675</b>	<b>86.465.734.497</b>

**5.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.338.692.838	5.705.086.387
- Lợi nhuận của hoạt động được ưu đãi	1.856.827.270	4.688.809.340
- Lợi nhuận của hoạt động không được ưu đãi	3.481.865.568	1.016.277.047
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	589.614.351	477.827.127
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	681.848.651	655.736.707
- Chi phí không được trừ	558.576.341	621.070.274
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tiền gửi, phải thu ngoại tệ cuối năm trước	123.272.310	34.666.433
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	92.234.300	177.909.580
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tiền gửi, phải thu ngoại tệ cuối kỳ	92.234.300	177.909.580
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang	(3.573.182.656)	(6.182.913.514)
Tổng thu nhập tính thuế	2.355.124.533	-
- Thu nhập của hoạt động được ưu đãi	2.279.352.270	-
- Thu nhập của hoạt động không được ưu đãi	75.772.263	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành		
- Thuế suất thuế TNDN của hoạt động được ưu đãi	10%	10%
- Thuế suất thuế TNDN của hoạt động không được ưu đãi	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ</b>	<b>243.089.679</b>	<b>-</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

## 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

## 6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	420.497.029	22.447.003.807
<b>Cộng</b>	<b>420.497.029</b>	<b>22.447.003.807</b>

## 6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	610.810.000	22.268.568.993
<b>Cộng</b>	<b>610.810.000</b>	<b>22.268.568.993</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý mà Công ty hoạt động như sau:

- Thành phố Đà Nẵng;
- Tỉnh Khánh Hòa;
- Thành phố Huế

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025:

	Đà Nẵng		Khánh Hòa		Huế		Loại trừ		Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>										
Từ khách hàng bên ngoài	63.953.772.540	54.036.499.488	23.606.567.753	22.756.312.113	14.289.588.606	15.835.548.535	-	-	101.849.928.899	92.628.360.136
Giữa các bộ phận	430.431.017	1.170.927.329	-	-	-	-	(430.431.017)	(1.170.927.329)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>64.384.203.557</b>	<b>55.207.426.817</b>	<b>23.606.567.753</b>	<b>22.756.312.113</b>	<b>14.289.588.606</b>	<b>15.835.548.535</b>	<b>(430.431.017)</b>	<b>(1.170.927.329)</b>	<b>101.849.928.899</b>	<b>92.628.360.136</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>										
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.254.574.379	12.329.821.127	2.054.699.985	2.533.162.310	2.413.262.151	3.478.704.687	-	-	18.722.536.515	18.341.688.124
Chi phí bán hàng	(3.088.719.617)	(3.315.769.218)	-	-	(693.167.045)	(768.687.239)	-	-	(3.781.886.662)	(4.084.456.457)
Chi phí quản lý	(5.708.342.426)	(7.462.191.494)	(1.387.391.074)	-	(2.133.803.410)	(632.414.534)	-	-	(9.229.536.910)	(8.094.606.028)
Thu nhập tài chính	240.139.893	212.520.977	167.570	250.594	77.118.817	120.990.233	(124.506.732)	(118.660.471)	192.919.548	215.101.333
Chi phí tài chính	(113.331.942)	(222.776.119)	(315.321.572)	(618.165.695)	(10.036.493)	(10.530.532)	124.506.732	118.660.471	(314.183.275)	(732.811.875)
Lợi nhuận khác	(245.828.727)	(164.432.225)	298.333	(3.143.484)	(5.625.984)	227.746.999	-	-	(251.156.378)	60.171.290
Lợi nhuận trước thuế	5.338.491.560	1.377.173.048	352.453.242	1.912.103.725	(352.251.964)	2.415.809.614	-	-	5.338.692.838	5.705.086.387
Thuế TNDN	(207.093.635)	-	-	-	(35.996.044)	-	-	-	(243.089.679)	-
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>									<b>5.095.603.159</b>	<b>5.705.086.387</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**Các thông tin khác:**

	Đà Nẵng		Khánh Hòa		Huế		Loại trừ		Tổng cộng	
	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2025	01/01/2025	30/06/2025	01/01/2025	30/06/2025	01/01/2025	30/06/2025	01/01/2025	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng tài sản	49.618.674.422	65.826.769.461	29.124.593.685	23.462.213.084	11.243.343.130	13.221.872.817	-	(30.610.332.632)	89.986.611.237	71.900.522.730
Tổng nợ phải trả	(10.922.910.960)	(31.420.496.001)	(29.124.593.685)	(23.462.213.084)	(11.243.343.130)	(13.221.872.817)	-	30.610.332.632	(51.290.847.775)	(37.494.249.270)
	Đà Nẵng		Khánh Hòa		Huế		Loại trừ		Tổng cộng	
	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2025	01/01/2025	30/06/2025	01/01/2025	30/06/2025	01/01/2025	30/06/2025	01/01/2025	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản cố định:										
Nguyên giá	51.551.636.285	51.520.136.285	77.781.050.507	77.749.550.507	29.143.735.370	29.112.235.370	-	-	158.476.422.162	158.381.922.162
Hao mòn lũy kế	(44.211.292.862)	(43.141.975.043)	(58.330.564.053)	(56.774.922.422)	(24.265.429.754)	(23.746.653.631)	-	-	(126.807.286.669)	(123.663.551.096)
	Đà Nẵng		Khánh Hòa		Huế		Loại trừ		Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chi phí khấu hao	(1.069.317.819)	(1.418.579.866)	(1.555.641.631)	(1.732.555.788)	(518.776.123)	(532.263.881)	-	-	(3.143.735.573)	(3.683.399.535)
Chi phí mua sắm tài sản	(166.500.000)	(610.114.545)	(61.957.407)	-	(31.500.000)	-	-	-	(259.957.407)	(610.114.545)

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ sở vị trí địa lý của Công ty, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo hoạt động kinh doanh là bộ phận thứ yếu:

	Hàng không		Đào tạo		Loại trừ		Tổng cộng	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>								
Từ khách hàng bên ngoài	83.744.854.071	74.476.327.528	18.105.074.828	18.152.032.608	-	-	101.849.928.899	92.628.360.136
Giữa các bộ phận	430.431.017	1.170.927.329	-	-	(430.431.017)	(1.170.927.329)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>84.175.285.088</b>	<b>75.647.254.857</b>	<b>18.105.074.828</b>	<b>18.152.032.608</b>	<b>(430.431.017)</b>	<b>(1.170.927.329)</b>	<b>101.849.928.899</b>	<b>92.628.360.136</b>
<b>Chi phí khấu hao</b>	(2.499.346.708)	(3.054.489.765)	(644.388.865)	(628.909.770)	-	-	(3.143.735.573)	(3.683.399.535)
<b>Chi phí mua sắm tài sản</b>	(259.957.407)	(610.114.545)	-	-	-	-	(259.957.407)	(610.114.545)



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP (“Vietnam Airlines”)	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
2. Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	Công ty con của Vietnam Airlines
3. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	Công ty con của Vietnam Airlines
4. Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	Công ty con của Vietnam Airlines
5. Chi nhánh Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay tại Thành phố Đà Nẵng	Trực thuộc công ty con của Vietnam Airlines
6. Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	Công ty con của Vietnam Airlines
7. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày 30/06/2025 số dư đối với các bên liên quan được chi tiết như sau:

	<b>Tại ngày 30/06/2025 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025 VND</b>
<b>Phải thu khách hàng:</b>		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	-	399.567.600
Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	533.401.264	533.401.264
Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	78.743.000	15.127.000
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	8.735.364.239	167.454.000
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.3</b>	<b>9.347.508.503</b>	<b>1.115.549.864</b>
	<b>Tại ngày 30/06/2025 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025 VND</b>
<b>Phải trả người bán:</b>		
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	22.490.366	60.497.213
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.12</b>	<b>22.490.366</b>	<b>60.497.213</b>
	<b>Tại ngày 30/06/2025 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025 VND</b>
<b>Người mua trả tiền trước:</b>		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	-	6.617.200.741
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.13</b>	<b>-</b>	<b>6.617.200.741</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải trả ngắn hạn khác - Nhận ký quỹ: Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	10.000.000.000	-
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.18</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>-</b>

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải trả ngắn hạn khác về lợi nhuận hợp tác đầu tư: Ông Nguyễn Thanh Đông	176.805.280	243.048.644
Ông Phạm Văn Hà	48.875.010	23.409.248
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.18</b>	<b>225.680.290</b>	<b>266.457.892</b>

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải trả dài hạn khác về vốn góp hợp đồng hợp tác kinh doanh: Ông Nguyễn Thanh Đông	460.000.000	460.000.000
Ông Phạm Văn Hà	120.000.000	120.000.000
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.18</b>	<b>580.000.000</b>	<b>580.000.000</b>

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	37.705.071.658	39.670.466.361
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	1.287.793.333	2.383.857.500
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	57.860.185	79.650.926
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay tại Thành phố Đà Nẵng	75.906.377	73.357.507
Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	58.903.703	60.187.037
Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	-	32.092.593
<b>Cộng - Xem thêm mục 5.1</b>	<b>39.185.535.256</b>	<b>42.299.611.924</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Mua hàng:		
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	23.659.549	58.551.941
<b>Cộng</b>	<b>23.659.549</b>	<b>58.551.941</b>

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Chiết khấu thanh toán:		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	187.500.000	375.000.000
<b>Cộng</b>	<b>187.500.000</b>	<b>375.000.000</b>

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Ông Đào Mạnh Kiên	Chủ tịch HĐQT	10.800.000	9.750.000
Ông Trần Thanh Nghĩa	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	6.000.000	-
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	6.000.000	5.460.000
Bà Lê Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT	-	5.460.000
Ông Nguyễn Thanh Đông	Thành viên HĐQT	6.000.000	5.460.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT	6.000.000	5.460.000
Ông Nguyễn Dũng	Thành viên BKS	4.320.000	3.900.000
Ông Lê Giang Nam	Thành viên BKS	4.320.000	3.900.000

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Ông Trần Thanh Nghĩa	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	596.394.001	-
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	380.084.450	335.207.219
Ông Nguyễn Thanh Đông	Thành viên HĐQT	45.103.000	521.354.690
Bà Lê Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT	-	78.719.464
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT	79.969.899	-
Ông Phạm Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	380.084.450	335.207.219
Bà Nguyễn Thị Minh Huyền	Kế toán trưởng	356.703.498	311.412.416
Ông Đinh Hồng Sơn	Trưởng BKS	51.600.000	46.800.000
Ông Nguyễn Dũng	Thành viên BKS	113.978.492	46.136.759
Ông Lê Giang Nam	Thành viên BKS	183.998.087	169.014.406

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG**

*Công ty là bên đi thuê*

Công ty thuê đất, mặt bằng theo các hợp đồng thuê hoạt động.

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	1.603.899.288	1.621.687.780

**10. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ.



Trần Thanh Nghĩa

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 08 năm 2025

Nguyễn Thị Minh Huyền

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thương

Người lập